

NGƯỠNG THU NHẬP HÀNG NĂM THEO MỨC GIẢM GIÁ ĐỐI CHIẾU VÀ TỶ LỆ MỨC NGHÈO															
	Trả 0%			Trả 10%			Trả 25%			Trả theo Số Tiền Thường Được Lập Hóa Đơn (AGB)***			* Trả 100%		**Mức Nghèo Liên Bang của 48 Tiểu Bang
Mức Nghèo Liên Bang:	từ 225% trở xuống			từ 226%	đến	275%	từ 276%	đến	325%	từ 326%	đến	375%	376% trở lên		
Quy Mô Gia Đình	Tổng Thu Nhập Đã Điều Chỉnh			Tổng Thu Nhập Đã Điều Chỉnh			Tổng Thu Nhập Đã Điều Chỉnh			Tổng Thu Nhập Đã Điều Chỉnh			Tổng Thu Nhập Đã Điều Chỉnh		
1	\$0	-	\$ 35,213	\$ 35,214	-	\$ 43,038	\$ 43,039	-	\$ 50,863	\$ 50,864	-	\$ 58,688	\$ 58,689	cộng	15,650
2	\$0	-	\$ 47,588	\$ 47,589	-	\$ 58,163	\$ 58,164	-	\$ 68,738	\$ 68,739	-	\$ 79,313	\$ 79,314	cộng	21,150
3	\$0	-	\$ 59,963	\$ 59,964	-	\$ 73,288	\$ 73,289	-	\$ 86,613	\$ 86,614	-	\$ 99,938	\$ 99,939	cộng	26,650
4	\$0	-	\$ 72,338	\$ 72,339	-	\$ 88,413	\$ 88,414	-	\$ 104,488	\$ 104,489	-	\$ 120,563	\$ 120,564	cộng	32,150
5	\$0	-	\$ 84,713	\$ 84,714	-	\$ 103,538	\$ 103,539	-	\$ 122,363	\$ 122,364	-	\$ 141,188	\$ 141,189	cộng	37,650
6	\$0	-	\$ 97,088	\$ 97,089	-	\$ 118,663	\$ 118,664	-	\$ 140,238	\$ 140,239	-	\$ 161,813	\$ 161,814	cộng	43,150
7	\$0	-	\$ 109,463	\$ 109,464	-	\$ 133,788	\$ 133,789	-	\$ 158,113	\$ 158,114	-	\$ 182,438	\$ 182,439	cộng	48,650
8	\$0	-	\$ 121,838	\$ 121,839	-	\$ 148,913	\$ 148,914	-	\$ 175,988	\$ 175,989	-	\$ 203,063	\$ 203,064	cộng	54,150
Đối với mỗi người bổ sung, hãy thêm			\$ 12,375	\$ 12,376	-	\$ 15,125	\$ 15,126	-	\$ 17,875	\$ 17,876	-	\$ 20,625	\$ 20,626	cộng	5,500

*Hỗ Trợ Tài Chính có thể được xem xét tùy từng trường hợp.

**Dựa trên Hướng Dẫn về Mức Nghèo Liên Bang (Federal Poverty Guidelines, FPG) năm 2025 cho 48 tiểu bang liền kề và Quận Columbia. Xin lưu ý rằng Alaska và Hawaii có những hướng dẫn riêng khác với hướng dẫn ở tr

***Số Tiền Thường Được Lập Hóa Đơn (Amount Generally Billed, AGB) sẽ được tính riêng theo từng cơ sở bệnh viện. Vui lòng tham khảo số tiền của cơ sở theo Phụ Lục III của Chính Sách Hỗ Trợ Tài Chính - Doanh Nghiệp